TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 23 – 9 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt.

Ông Ngô Văn Khon.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS, ngày 26 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985, tại tỉnh Đồng Tháp.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã 1, thành phố 3, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị M; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/4/2019; bị tạm giam ngày 10/4/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Bình (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

+ Ông Cao Văn T1, sinh năm 1978.

+ Bà Nguyễn Thanh L, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp. (Ông T1, bà Thanh L có mặt).

** Người có quyền lợi, N1 vụ L quan đến vụ án:*

+ Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp 1, xã 2, thành phố 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

+ Ông Ninh Văn C, sinh năm 1965. Địa chỉ: số 00, 000, phường A, Quận B,

Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xét xử vắng mặt).

+ Anh Hồ Thanh T3, sinh năm 1974.

+ Bà Phan Hoàng D, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã 8, huyện 9, tỉnh Đồng Tháp. (Ông T3, bà D có đơn xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Hoài N1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm 10, Phường 11, thành phố 3, tỉnh Đồng Tháp. (Anh N1 có đơn xét xử vắng mặt).

** Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Chị Cao Thị Ngọc N2, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Lần 1: Ngày 14/3/2018, bị cáo Nguyễn Hữu T thuê xe ô tô mang biển kiểm soát số: 66A-00000 của anh Hồ Thanh T, rồi đến dịch vụ cầm đồ Ngọc N2 do ông Cao Văn T1 và bà Nguyễn Thanh L cùng ngụ ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp làm chủ để cầm xe ô tô nêu trên. Ông T1, bà L yêu cầu phải có giấy đăng ký xe và bản sao giấy chứng minh nhân dân của chủ sở hữu mới đồng ý cầm xe. Do xe ô tô trên bà Phan Hồng D (vợ ông T3) đứng tên sở hữu và bị cáo không cung cấp được bản sao giấy chứng minh của bà D nên bà L không đồng ý cầm đồ. Sau đó, bị cáo T đã tìm trên mạng xã hội Zalo, thuê 01 người không rõ họ tên địa chỉ làm 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Hồng D rồi mang xe, giấy xe đến cầm cho bà Nguyễn Thanh L và bị cáo T nói dối là cầm xe dùm ông chủ. Do bị cáo T là cháu rễ nên ông T1, bà L tin tưởng đồng ý cầm xe với giá 260.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn từ ngày 14/3/2018 đến 14/4/2018.

Lần 2: Bị cáo Nguyễn Hữu T thuê xe mô tô hiệu Honda SH150i, mang biển kiểm soát số: 66C1-0000 của anh Phạm Hoài N1. Ngày 24/3/2018, bị cáo T tiếp tục đem xe mô tô trên đến dịch vụ cầm đồ Ngọc N2 cầm cho ông T1 và bà L; do xe không có giấy chứng nhận đăng ký nên T tiếp tục tìm trên mạng xã hội Zalo nhờ 01 người lạ (không rõ họ tên địa chỉ) làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 66C1-044.88 mang tên Nguyễn Hữu T rồi mang xe và giấy đăng ký trên đến cầm cho bà Nguyễn Thanh L với số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất là 3%/ tháng, thời hạn hợp đồng từ ngày 24/3/2018 đến 24/4/2018.

Do sợ bị chủ xe phát hiện nên ngày 27/3/2018, bị cáo Nguyễn Hữu T đến dịch vụ cầm đồ Ngọc N2 tiếp tục nói dối bà L cho mượn lại xe ô tô mang biển kiểm soát số: 66A-031.33 để đăng kiểm, bà L tin tưởng giao xe. Khi nhận được xe thì bị cáo T mang xe trả cho anh Hồ Thanh T3. Tiếp tục đến ngày 29/3/2018, bị cáo T nói dối với bà L cho mượn xe mô tô mang biển kiểm soát số: 66C1-0000 để tìm người bán

lấy tiền trả nợ và trả tiền cầm xe nên bà L đồng ý, nhưng khi nhận được xe thì bị cáo T mang xe trả cho anh Phạm Hoài N1. Do bị cáo T không giao lại xe, không trả tiền đã cầm xe và cũng không có mặt tại địa phương nên bà Nguyễn Thanh L và ông Cao Văn T1 đã làm đơn trình báo, tố giác bị cáo Nguyễn Hữu T đến Cơ quan Công an. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, sau khi trả xe cho anh T3 và anh N1 thì bị cáo T bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 07/4/2019 bị cáo Nguyễn Hữu T bị bắt theo Quyết định truy nã số: 01 ngày 04/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình.

* Về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức:

Ngày 14/3/2018, Nguyễn Hữu T thuê được xe ô tô mang biển số: 66A-0000 từ anh Hồ Thanh T3 (Xe do chị Phan Hồng D là vợ anh T3 đứng tên); để cầm được xe cho ông Cao Văn T1 và bà Nguyễn Thanh L, bị cáo T đã tìm trên mạng xã hội Zalo, thuê 01 người không rõ họ tên địa chỉ làm 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Hồng D rồi mang xe, giấy xe đến cầm cho bị hại ông T1, bà L với giá 260.000.000đồng như đã nêu.

Với thủ đoạn trên, sau khi thuê được xe mô tô hiệu Honda SH150i, biển số: 66C1-00000 của anh Phạm Hoài N1, bị cáo T tiếp tục tìm trên mạng xã hội Zalo nhờ 01 người lạ (Không rõ họ tên địa chỉ) làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66C1-00000 mang tên Nguyễn Hữu T rồi mang xe và giấy đăng ký đến cầm cho bà Nguyễn Thanh L với số tiền 120.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Hữu T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số: 929/KL-KTHS ngày 27/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Hữu T dưới mục " Bên B (bên cầm tài sản)" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Hữu T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M_1 đến M_4 do cùng một người ký, viết ra.

* Tài sản, vật chứng thu giữ và xử lý gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu xám đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh (đã qua sử dụng) của Nguyễn Hữu T.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 30000000 tên Nguyễn Hữu T do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/6/2018 (01 bản Chính và 01 bản photo).

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 3000000 tên Trần Thị Kim X do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07/02/2017. Quá trình làm việc ghi lời khai chị X cho biết giấy chứng minh trên của chị đánh rơi ngày 17/7/2017. Hiện nay, chi X đã được cấp lại giấy chứng minh mới nên không có yêu cầu gì.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 225609, tên Nguyễn Hữu T, biển số 66C1-0000 Kết luận giám định là giấy đăng ký giả do bị can sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 3000000 tên Cao Văn T1, 01 giấy chứng minh nhân dân số 34000000 tên Phan Hồng D (bản photo), 01 Hợp đồng cầm cố

số 01 ngày 14/3/2018; 01 Hợp đồng ngày 24/3/2018 và 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51F8000000 tên hộ kinh doanh Ngọc N2 (bản photo). Đây là tài liệu L quan đến vụ án nên lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Ninh Văn Cây, sinh năm 1965, ngụ số 00, 00, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển cho ông Cao Văn T1 số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo Nguyễn Hữu T. Hiện nay ông T1, bà L đã nhận được số tiền 100.000.000 đồng nói trên và tiếp tục yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền còn lại là 280.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-TB ngày 25/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình giữ nguyên Cáo trạng truy tố, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 38, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*

Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 07 năm đến 08 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và từ 03 năm đến 04 năm tù về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội từ 10 năm đến 12 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Do hoàn cản gia đình bị cáo khó khăn nên Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên như phần Quyết định của Cáo trạng.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự đề nghị Tòa tuyên buộc bị cáo Nguyễn Hữu T, chị Lê Thị Tuyết N chịu trách nhiệm L đới trả lại cho ông T1 bà L số tiền 280.000.000đồng.

Trong phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Hữu T thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Về trách nhiệm dân sự thống nhất bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 280.000.000 đồng như theo yêu cầu của bị hại Cao Văn T1, bà Nguyễn Thanh L.

Ý kiến của người bị hại: Ông Cao Văn T1, bà Nguyễn Thanh L thống nhất bản cáo trạng và luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình. Về trách nhiệm dân sự yêu cầu cá nhân bị cáo phải trả số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 280.000.000đ, ông T1, bà L không yêu cầu bị cáo T trả tiền lãi và không yêu cầu chị Lê Thị Tuyết N phải chịu trách nhiệm L đới cùng với bị cáo T trả số tiền mà bị cáo chiếm đoạt.

Ý kiến của người có quyền lợi, N1 vụ L quan đến vụ án: Chị Lê Thị Tuyết N: Do bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, chị N không có sử dụng số tiền này nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm cá nhân trả lại cho bị hại.

Bị cáo Nguyễn Hữu T nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, lo cho gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Huyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như sau:

+ Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Lần 1: Ngày 14/3/2018 bị cáo đã thuê xe ô tô biển số: 66A-0000 của anh T3, bị cáo không được sự đồng ý của anh T3, chị D nhưng bị cáo lại đem xe đi cầm. Do không có bản sao giấy chứng minh nhân dân của chủ xe bà Phan Hồng D nên bị cáo lên mạng Zalo tìm người làm giả giấy chứng minh nhân dân mang Phan Hồng D. Sau đó đem xe nêu trên cầm cho bị hại là ông T1, bà L với giá 260.000.000đ.

Lần 2: Ngày 24/3/2018 bị cáo đã thuê xe mô tô biển số: 66C1-00000 của anh N1, rồi đem xe đi cầm. Với thủ đoạn nêu trên bị cáo đã lên mạng Zalo tìm người làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Hữu T. Sau đó đem xe nêu trên cầm cho bị hại là ông T1, bà L với giá 120.000.000đ.

Sau đó, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để mượn 02 xe nêu trên đem trả cho anh T3, anh N1.

Tổng giá trị tài sản bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là 380.000.000đ.

+ Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức:

Ngày 14/3/2018 bị cáo thuê xe ô tô biển số 66A-031.33 của anh T3. Sau đó, bị cáo lên mạng Zalo tìm người làm giả bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Hồng D. Rồi đem xe nêu trên cầm cho bị hại là ông T1, bà L với giá 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Với thủ đoạn nêu trên bị cáo đã lên mạng Zalo tìm người làm giả giấy chứng

nhận đăng ký mô tô biển số: 66C1-00000 mang tên Nguyễn Hữu T. Sau đó, đem xe nêu trên cầm cho bị hại là ông T1, bà L với giá 120.000.000đ.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Đồng thời xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước, xâm phạm hoạt động bình thường uy tín của nhà nước. Bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và hành vi sử dụng giấy tờ giả để lừa dối bị hại là vi phạm pháp luật, song vì sự tham lam, tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo thấy được hậu quả nhưng vẫn mong muốn hậu quả xảy ra.

Khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan nhà nước thì bị cáo là người thành niên và có năng lực trách nhiệm hình sự.

Đồng thời cũng phù hợp với Kết luận giám định số: 929/KL-KTHS ngày 27/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Hữu T dưới mục "Bên B (bên cầm tài sản)" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Hữu T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M_1 đến M_4 do cùng một người ký, viết ra. Phù hợp với Kết luận giám định số: 779/KL-KTHS ngày 09/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 20000, tên chủ xe Nguyễn Hữu T là giả.

Với những phân T1 nêu trên, đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hữu T đã phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định

1. *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.*

a)…….

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000đồngđến dưới 500.000.000 đồng

Điều 341. Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định:

1.Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

…….

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03

năm đến 07 năm:

…….

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đủ sức khỏe để lao động tạo nguồn thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân và gia đình nhưng vì sự tham lam, tư lợi và mong muốn nhanh chóng có tiền nên bị cáo đã dùng giấy tờ giả và dùng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin là tài sản của bị cáo và cho bị cáo cầm xe với tổng số tiền chiếm đoạt là 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng).

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phù hợp theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với số tiền 100.000.000đ. Ngoài ra, bị hại cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, kiểm sát viên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy hiện các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế có khó khăn. Do đó không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 100.000.000đ ông Ninh Văn C đã khắc phục cho bị hại. Do ông C không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt còn lại là 280.000.000đ (380.000.000đ – 100.000.000đ). Tại phiên tòa ông T1, bà L yêu cầu cá nhân bị cáo T phải trả số tiền mà bị cáo T chiếm đoạt là 280.000.000đồng, không yêu cầu bị cáo T trả lãi kể từ khi ký hợp đồng cầm tài sản cho đến ngày xét xử, ông T1, bà L không yêu cầu vợ bị cáo T là chị Lê Thị Tuyết N cùng chịu trách nhiệm L đới với bị cáo trả tiền cho ông T1, bà L và bị cáo T, chị N cũng thống nhất theo yêu cầu của người bị hại nên ghi nhận sự tự nguyện của ông T1, bà L. Buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt và trả lại cho ông T1 bà L 280.000.000 đồng là phù hợp Điều 48 Bộ luật hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus màu xám đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh (đã qua sử dụng) của Nguyễn Hữu T cần tiếp tục thu giữ để đảm bảo việc thi hành án là phù hợp.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 00000 tên Nguyễn Hữu T do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/6/2018. Trả cho bị cáo là phù hợp.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 300000 tên Trần Thị Kim X do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07/02/2017. Quá trình làm việc ghi lời khai chị X cho biết giấy chứng minh trên của chị đánh rơi ngày 17/7/2017. Hiện nay, chị X đã được cấp lại giấy chứng minh mới nên không có yêu cầu gì. Xét thấy cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 00000, tên Nguyễn Hữu T, biển số 66C1-00000. Kết luận giám định là giấy đăng ký giả do bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần lưu hồ sơ vụ án là phù hợp.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 34000000 tên Cao Văn T1, 01 giấy chứng minh nhân dân số 3400000tên Phan Hồng D (bản photo), 01 Hợp đồng cầm cố số 01 ngày 14/3/2018; 01 Hợp đồng ngày 24/3/2018 và 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51F800000000 tên hộ kinh doanh Ngọc N2 (bản sao y). Đây là tài liệu L quan đến vụ án nên cần lưu hồ sơ vụ án là phù hợp.

[9] Đối với chị Lê Thị Tuyết N (là vợ của bị cáo T), có biết và cùng bị cáo đến nhà bị hại để cầm cố tài sản nhưng Tuyết N không biết T cầm cố tài sản rồi dùng thủ đoạn gian dối lấy tài sản cầm cố để trả cho chủ sở hữu nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của ông T1, bà L. Hành vi của Tuyết N không đồng phạm với bị can T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Đối với các ông bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974, ngụ khóm 8, phường 9; Nguyễn Thị H3, sinh năm 1985, ngụ khóm 9, phường 10 và Tạ Quốc H4 sinh năm 1988, ngụ khóm 9, phường 10, thành phố 3 có phát sinh quan hệ vay tiền với T đến nay chưa trả. Quá trình điều tra, xác định đây là quan hệ giao dịch dân sự nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[11] Đối với người thanh niên lạ mà bị cáo Nguyễn Hữu T quen biết qua mạng xã hội Zalo và thuê làm giấy chứng minh nhân dân; giấy đăng ký xe mô tô hiệu SH 150i, biển số 66C1-000000 Do không biết tên, họ, địa chỉ nên không làm việc được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về xử lý vật chứng là có căn cứ chấp nhận.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Nguyễn Hữu T, chị Lê Thị Tuyết N cùng chịu trách nhiệm L đới bối thường cho bị hại ông Cao Văn T1, bà Nguyễn Thanh L số tiền 280.000.000đồng là không có căn cứ. Bởi vì tại phiên tòa ông T1, bà L chỉ yêu cầu cá nhân bị cáo T có trách nhiệm trả số tiền mà bị cáo chiếm đoạt lại cho bị hai. Ông T1 bà L không yêu cầu chị N

cùng chịu trách nhiệm L đới với bị cáo trả số tiền 280.000.000đồng. Tại tòa bị cáo T cũng thống nhất nên chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông T1 bà L với số tiền 280.000.000đ.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 07 (Bảy) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 03 (Ba) năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 08/4/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T bồi thường cho ông Cao Văn T1 và bà Nguyễn Thanh L số tiền 280.000.000đ (Hai trăm, tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus màu xám đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh (đã qua sử dụng) của Nguyễn Hữu T.

Trả cho bị cáo Nguyễn Hữu T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 34000000 tên Nguyễn Hữu T do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/6/2018.

Tịch thu tiêu hủy: 01 giấy chứng minh nhân dân số 3400000 tên Trần Thị Kim X do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07/02/2017.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình quản lý).

Tiếp tục tạm giữ lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 00000, tên Nguyễn Hữu T, biển số 66C1-00000; 01 giấy chứng minh nhân dân số

34000000 tên Cao Văn T1 (photo); 01 giấy chứng minh nhân dân số 340000tên Phan Hồng D (photo); 01 Hợp đồng cầm cố số 01 ngày 14/3/2018; 01 Hợp đồng ngày 24/3/2018 và 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51F80000001 tên hộ kinh doanh Ngọc N2 (bản sao y).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 14.200.000đ (Mười bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N1 vụ L quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKS ND huyện Thanh Bình;
- CA huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trinh